
TRAO ĐỔI

CON NGƯỜI - MỘT CHÍNH THỂ, MỘT YẾU TỐ TỔNG HỢP CỦA HỆ THỐNG XÃ HỘI

NGUYỄN NGỌC KHÁ*
NGUYỄN HUỖNH BÍCH PHƯƠNG**

Từ khóa: con người, xã hội, hệ thống, cấu trúc, chính thể, tổng hợp.

Ngày nhận bài: 27/3/2020; ngày gửi phản biện: 28/3/2020; ngày duyệt đăng bài: 10/8/2020.

Đặt vấn đề

Theo quan điểm hệ thống, xã hội cũng như bất kì một sự vật nào khác, biểu hiện là một hệ thống đa cấp độ, đa diện, đa chiều, với nhiều mối liên hệ, quan hệ đan xen chằng chịt, có thể tiếp cận đến nó từ những góc độ khác nhau. Chẳng hạn, có cách tiếp cận “tôn giáo” của Saint Simon, cách tiếp cận “chu kì lịch sử” của Arnold Toynbee, cách tiếp cận “văn minh” của Đuyhem, cách tiếp cận “hình thái kinh tế - xã hội” của C.Mác và Ph.Ăngghen,... Trong các cách tiếp cận ấy, cách tiếp cận “hình thái kinh tế - xã hội (hình thái) của C.Mác và Ph.Ăngghen” bởi nó giúp ta hiểu đúng bản chất và các quy luật vận động, phát triển của xã hội.

1. Thành phần của hệ thống xã hội

Xuất phát từ cách tiếp cận “hình thái”, nếu xem xét hệ thống xã hội với tất cả các nấc thang, từ góc độ thực thể, từ chất liệu hình thành thì trong thành phần của nó bao gồm những yếu tố cơ bản, đó là con người, vật thể, quá trình xã hội và tư tưởng. Cụ thể:

Thứ nhất, về con người

Trước hết, yếu tố cơ bản nhất của bất kì một hệ thống xã hội nào cũng là con người. Chính con người là đại biểu tiêu biểu cho chất lượng của hệ thống xã hội. Con người là chủ thể sáng tạo, là động lực chủ yếu, vừa là điểm khởi đầu vừa là điểm kết thúc của mọi quá trình xã hội, đồng thời là trung tâm của mọi biến cố lịch sử. Không thể có hệ thống xã hội mà không có con người với mục đích, trí tuệ và tính tích cực, sáng tạo của mình.

Con người trong đời sống xã hội là con người hiện thực, là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ, gắn liền với những điều kiện sinh hoạt vật chất

* PGS.TS.; Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

** ThS.; Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

nhất định của họ. Không phải ngẫu nhiên, trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Tiền đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại thì dĩ nhiên là sự tồn tại của những cá nhân con người sống” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 3, tr. 29).

Sự tồn tại của con người luôn gắn liền với sự tồn tại nhu cầu của họ. Ngay bản thân Hêghen, mặc dù dưới hình thức duy tâm, cũng đã từng nói: “Bất kì tồn tại nào cũng có nhu cầu, tồn tại mà không có nhu cầu thì tồn tại đó cũng không có nhu cầu tồn tại!” (Hêghen, G.V.Ph., 1959, tập 4, tr. 19).

Nhu cầu của con người hết sức đa dạng: nhu cầu ăn, mặc, ở; nhu cầu trao đổi chất, năng lượng, thông tin; nhu cầu tái sản xuất xã hội; nhu cầu phát triển về tình cảm, trí tuệ; nhu cầu hoạt động xã hội, nhu cầu giao tiếp; nhu cầu được tự do phát triển năng lực bản thân của mình, nhu cầu tự khẳng định mình;... Song nhu cầu cao nhất, cơ bản nhất của con người chính là nhu cầu tồn tại. Để đáp ứng nhu cầu tồn tại của mình, buộc con người phải sản xuất ra của cải vật chất. C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: “... tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại của con người, và do đó là tiền đề của mọi lịch sử, đó là: người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể “làm ra lịch sử”. Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất trong những tư liệu để thỏa mãn những nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 3, tr. 39 - 40).

Tư tưởng của các nhà kinh điển cho thấy, con người tồn tại là tồn tại với những nhu cầu. Nhu cầu là phương thức tồn tại của con người. Sự tồn tại của nhu cầu mang tính khách quan. Những nhu cầu được ý thức, được giải quyết sẽ trở thành lợi ích. Nhu cầu là cơ sở để hình thành nên lợi ích, còn lợi ích là tiền đề, điều kiện nhằm đáp ứng nhu cầu. Mặt khác, lợi ích cũng là cơ sở trực tiếp để hình thành nên mục đích, tức là động cơ tinh thần thúc đẩy hoạt động sáng tạo của con người. Như vậy, nhu cầu và lợi ích là động lực bên trong thúc đẩy con người hoạt động sáng tạo. Chính hoạt động đó đã làm nên con người và hoàn thiện bản chất con người, năng lực của con người. Hoạt động sáng tạo là phương thức tồn tại của con người, là tiêu chuẩn khách quan cơ bản để phân biệt con người với mọi sinh vật nói chung. Ở phương diện này, có thể nói, con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của hoạt động sáng tạo. Có thể khái quát cơ chế hoạt động sáng tạo của con người như sau:

Xuất phát từ nhu cầu để từ đó con người phát ra năng lượng tình cảm, trí tuệ, thần kinh, cơ bắp để chuyển ra bên ngoài (tức là các vật thể sản phẩm). Đó là quá trình khách thể hóa chủ thể. Nhưng mặt khác, có chiều ngược lại, con người lại chiếm hữu, sử dụng vật thể, sản phẩm ấy. Đó là quá trình chủ thể hóa khách thể. Khi ấy con người đã thỏa mãn nhu cầu của mình, nhưng đồng thời lại xuất hiện nhu cầu mới. Xuất phát từ nhu cầu mới ấy, con người lại tiếp tục phát ra

năng lượng tình cảm, trí tuệ, thân kinh, cơ bắp để chuyển ra bên ngoài... Cứ như vậy, một cách vô tận.

Rút cuộc, nhu cầu vừa là điểm xuất phát vừa là điểm kết thúc một chu kì hoạt động sáng tạo và thực chất biện chứng của xã hội, là quá trình chuyển hóa lẫn nhau giữa chủ thể và khách thể, giữa chủ quan và khách quan. Chủ quan chuyển thành -khách quan trong kết quả hoạt động của con người. Đến lượt mình, khách quan lại chuyển thành mục tiêu, phương pháp hành động với tính cách là chủ quan. Do vậy, trong nhận thức và thực tiễn cần có sự thống nhất giữa chủ quan và khách quan, giữa nhân tố chủ quan và điều kiện khách quan. Sự thống nhất ấy thể hiện ở chỗ, nhận thức được các điều kiện khách quan, vận dụng chúng một cách phù hợp, trên cơ sở phát huy vai trò của nhân tố chủ quan.

Liên quan đến vấn đề này, khách quan thuộc về khách thể hay do khách thể quy định. Khi áp dụng vào các khách thể hiện thực thì khách quan là phạm trù dùng để chỉ những đối tượng, những đặc tính và những quan hệ tồn tại ở bên ngoài chủ thể và không phụ thuộc vào chủ thể. Còn khi áp dụng vào các biểu tượng, khái niệm hay phán đoán thì khách quan là phạm trù dùng để chỉ nguồn gốc và cơ sở vật chất của tri thức.

Chủ quan thuộc về chủ thể hay do chủ thể quy định. Chủ quan là phạm trù dùng để chỉ những năng lực, phẩm chất và thuộc tính của chủ thể có tác động một cách trực tiếp hay gián tiếp đến nhận thức và thực tiễn của con người.

Song, trên thực tế luôn luôn tồn tại mâu thuẫn giữa nhu cầu và điều kiện đáp ứng nhu cầu đó. Thông thường nhu cầu bao giờ cũng lớn hơn so với điều kiện đáp ứng, đó là mâu thuẫn và nó là động lực kích thích, thúc đẩy sự phát triển của con người. Để giải quyết mâu thuẫn này sẽ hình thành nên cuộc sống nội tâm ở trong mỗi con người, buộc con người phải day dứt, dằn vặt, giằng xé để điều chỉnh hành vi trong cuộc sống nhằm hoàn thiện nhân cách, hoàn thiện bản chất của mình.

Mặt khác, khi nhu cầu được thỏa mãn thì không còn là nhu cầu nữa, nhưng nó lại là cơ sở để hình thành nên nhu cầu mới cao hơn. Do vậy, nhu cầu của con người là vô tận và quá trình phát triển của lịch sử gắn liền với quá trình phát triển của các nhu cầu. Nhu cầu là cơ sở tạo nên những thay đổi của đời sống xã hội, là cơ sở xuất phát để xác định mục tiêu cho phù hợp với điều kiện thực tế nhằm cải tạo con người và xã hội. Nếu nhu cầu quá cao trong khi điều kiện đáp ứng quá thấp thì sẽ rơi vào bệnh ảo tưởng.

Vì vậy, trong nhận thức và thực tiễn, khi xác định mục tiêu cần phải xuất phát từ nhu cầu, từng bước, từng bước phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng thực tế, năng lực thực tế, bởi vì nếu mục tiêu quá cao trong khi điều kiện đáp ứng quá thấp thì sẽ dẫn đến sự nản chí và hoạt động của con người sẽ khó thành công.

Rút cuộc, hoạt động của con người vừa là phương thức nhằm thỏa mãn nhu cầu, vừa là quá trình ngày càng hoàn thiện con người. Trong đời sống xã hội, mọi hoạt động của con người đều vươn tới khát vọng nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của mình. Không phải ngẫu nhiên mà C.Mác đã khẳng định: “Tất cả cái gì mà con người đấu tranh để giành lấy, đều *dính liền* với lợi ích của họ” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 1, tr. 109). V.I.Lênin thì nhấn mạnh: “những lợi ích “thúc đẩy đời sống của các dân tộc” (V.I.Lênin, 1981, tập 29, tr. 98). Đảng ta thì kết luận: “Quan tâm đến lợi ích chính đáng của người lao động là động lực trực tiếp của sản xuất, của sự phát triển xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996, tr. 73).

Như vậy, con người tiêu biểu cho các đặc trưng về chất của hệ thống xã hội; con người vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm của lịch sử; đồng thời vừa là chủ thể, vừa là khách thể của nhận thức và quản lý xã hội, cũng như của mọi hoạt động nói chung. Vì vậy, trong nhận thức và thực tiễn, chúng ta cần phải quan tâm và phát huy nhân tố con người, chú trọng giải quyết mối quan hệ nhu cầu - lợi ích - mục đích với tính cách là chuỗi động lực phát triển của con người và xã hội.

Thứ hai, về vật thể

Con người bằng năng lực của mình tác động vào giới tự nhiên để tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Vì vậy, yếu tố cơ bản thứ hai của hệ thống xã hội chính là các vật thể (sản phẩm) do con người tạo ra. Chúng là các sự vật, các đối tượng được lôi cuốn vào trong quỹ đạo của đời sống xã hội. Chỉ khi nào các vật thể nằm trong mối liên hệ với hoạt động của con người, là công cụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của họ thì chúng mới trở thành yếu tố của hệ thống xã hội. Các sự vật, đối tượng đó, theo cách nói của C.Mác, là giới tự nhiên thứ hai - những tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng được con người tạo ra trong quá trình lao động, sản xuất. Các vật thể, với tính cách là sản phẩm của lao động cụ thể, là cái mang giá trị sử dụng trên cơ sở chất lượng tự nhiên của mình. Chất lượng tự nhiên của vật thể là tổng hợp các thuộc tính tự nhiên của các vật thể ấy, như các thuộc tính về cơ học, vật lý, hóa học,... với các biểu hiện về độ bền, độ cứng, độ dẻo, độ dẫn điện, dẫn nhiệt,... Khi chưa tham gia vào trong đời sống xã hội thì các vật thể chỉ mang trong mình các thuộc tính tự nhiên nên nó chỉ có chất lượng tự nhiên.

Nhưng, nếu chỉ bằng chất lượng tự nhiên của mình thì các vật thể chưa có khả năng mang lại lợi ích cho con người và xã hội. Vấn đề là ở chỗ, các vật thể được con người tạo ra có ý nghĩa gì đối với con người? Chúng thỏa mãn nhu cầu của con người như thế nào? Tại sao con người lại tạo ra các vật thể đó? Con người tạo ra các vật thể ấy với số lượng là bao nhiêu? Quy mô, nhịp độ?,... Tất cả những vấn đề ấy liên quan trực tiếp đến chất lượng xã hội của các vật thể (sản phẩm). Chất lượng xã hội của vật thể là tổng hợp các thuộc tính xã hội của các vật thể. Đó là các thuộc tính về mẫu mã, kiểu dáng, ý nghĩa, giá trị về mặt xã hội,... gắn liền với nhu cầu, sở thích, thị hiếu, thẩm mỹ, thời trang, khả năng đáp ứng của con người và

xã hội. Ở phương diện này, một bài toán xã hội luôn luôn được đặt ra, rằng các vật thể cần phải được tạo ra với một số lượng cần thiết và một chất lượng phù hợp thì chúng mới đáp ứng được nhu cầu của con người và xã hội.

Trong đời sống xã hội, các vật thể chỉ cần thiết, chỉ có khả năng tồn tại khi chất lượng (giá trị) tự nhiên ở trong các vật thể đã mang một ý nghĩa xã hội, một giá trị xã hội nhất định. Hay nói cách khác, bên cạnh giá trị tự nhiên thì vật thể còn có giá trị xã hội, thực hiện các chức năng xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của con người và xã hội. Chẳng hạn, vật thể là các công cụ kỹ thuật, các vật liệu mới với các thuộc tính cứng, rắn, siêu dẫn, các vật liệu tổng hợp mà vốn không có trong giới tự nhiên khi tham gia vào trong hệ thống xã hội, thâm nhập vào trong hoạt động xã hội của con người thì bản thân nó đã mang trong mình một giá trị xã hội, mang tính chất xã hội và trở thành yếu tố của hệ thống xã hội. Vị trí, vai trò của các vật thể, sản phẩm do con người sáng tạo ra không chỉ được đo bằng giá trị tự nhiên, mà còn và trước hết được đo bằng giá trị xã hội, bằng mức độ phù hợp của nó với các yêu cầu phát triển của xã hội, nhằm thỏa mãn nhu cầu, mục đích của con người và xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Như vậy, giá trị xã hội của vật thể mang tính lịch sử - cụ thể, nó tùy thuộc vào trình độ phát triển của nền sản xuất xã hội; tùy thuộc vào tính chất của thời đại, bản chất của các chế độ xã hội; tùy thuộc vào bản tính, bản sắc, phong tục tập quán của các dân tộc và cộng đồng người trong xã hội; tùy thuộc vào các mối quan hệ xã hội của con người trong xã hội. Có thể nói, trong các vật thể, giá trị xã hội của vật thể cao hơn so với giá trị tự nhiên của nó, bởi nó gắn liền với bản chất xã hội của con người, với mục đích tạo ra và sử dụng các vật thể đó bởi con người. Và do vậy, giá trị xã hội của vật thể phản ánh trình độ phát triển của con người và xã hội. Hơn nữa, các giá trị xã hội là giá trị hệ thống, bởi vì chúng được xác định bởi các yêu cầu của hệ thống xã hội với tính cách là một chỉnh thể.

Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu của con người và xã hội thì tùy từng điều kiện cụ thể mà mặt này hay mặt kia, chất lượng tự nhiên hay giá trị xã hội lại nổi bật lên hàng đầu, đóng vai trò chi phối đời sống của con người và xã hội. Chẳng hạn, trong thời kì chiến tranh, đất nước còn khó khăn thì xu hướng chung là đề cao giá trị tự nhiên của sản phẩm, với quan niệm “ăn chắc mặc bền” chi phối phong cách tư duy, lối sống của con người. Nhưng trong thời đại hiện nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và quốc tế hóa mọi mặt của đời sống xã hội, khi kinh tế - xã hội ngày càng phát triển thì con người lại có xu hướng chung là đề cao giá trị xã hội của sản phẩm. Bởi lẽ, con người không chỉ quan tâm giải quyết vấn đề có ăn, có mặc mà còn phải làm sao để thỏa mãn nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp, mặc thời trang; con người không chỉ quan tâm đến các giá trị vật chất trong các vật thể, sản phẩm mà quan trọng hơn và chủ yếu là quan tâm đến các giá trị tinh thần (giá trị nhân văn, nhân đạo, văn hóa, đạo đức,...) trong các vật thể, sản phẩm đó. Và đây mới là mục đích sống, mục đích cuối cùng và ý nghĩa cao cả của đời sống nhân loại.

Chính vì vậy, ở phương diện này có thể rút ra một ý nghĩa quan trọng, rằng trong nhận thức và thực tiễn không nên đề cao, thổi phồng, tuyệt đối hóa hoặc giá trị tự nhiên hoặc giá trị xã hội của các vật thể, sản phẩm, mà tùy vào từng điều kiện lịch sử - cụ thể, có thể đề cao yếu tố này hay yếu tố kia lên hàng đầu. Mối quan hệ giữa giá trị tự nhiên và giá trị xã hội trong các vật thể, sản phẩm là một bài toán xã hội đòi hỏi cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng cần phải quan tâm giải quyết, với tỉ lệ như thế nào, số lượng bao nhiêu sao cho hài hòa, phù hợp với nhu cầu, mục đích của con người và xã hội.

Thứ ba, về quá trình xã hội

Yếu tố cơ bản thứ ba của hệ thống xã hội là các quá trình xã hội, đó là các quá trình kinh tế - xã hội, chính trị - xã hội, văn hóa - xã hội,... Quá trình xã hội là sự thay thế các trạng thái xã hội trong từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội và giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội với nhau.

Từ quan niệm tổng quát của C.Mác về hình thái kinh tế - xã hội, có thể thấy rằng, hình thái kinh tế - xã hội với tính cách là một xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, bao gồm bốn lĩnh vực cơ bản:

Một là, lĩnh vực kinh tế của đời sống xã hội, bao gồm các quan hệ sản xuất - quan hệ kinh tế đóng vai trò là quan hệ xuất phát, cơ bản, nền tảng và quyết định tất cả các quan hệ xã hội khác, là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các chế độ xã hội với nhau.

Hai là, lĩnh vực xã hội của đời sống xã hội, bao gồm các giai cấp và quan hệ giai cấp, dân tộc và quan hệ dân tộc, gia đình và quan hệ gia đình, các tầng lớp xã hội.

Ba là, lĩnh vực chính trị của đời sống xã hội, bao gồm các tổ chức và thiết chế quyền lực, hệ thống luật pháp, các chính sách, tư tưởng, quan điểm chính trị, mối tương quan và sự vận hành của chúng.

Bốn là, lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội, bao gồm các hình thái và trình độ khác nhau của ý thức xã hội, như ý thức chính trị, pháp quyền, đạo đức, văn hóa, tôn giáo, khoa học, nghệ thuật,... biểu hiện với tính cách là nền tảng văn hóa tinh thần của đời sống xã hội.

Các lĩnh vực trên của đời sống xã hội không tồn tại một cách độc lập, mà liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể, trong đó, xét đến cùng, lĩnh vực kinh tế giữ vai trò quyết định, còn các lĩnh vực khác đều tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực kinh tế và sự vận động, phát triển của xã hội. Tuy nhiên, tùy vào từng điều kiện lịch sử - cụ thể mà có thể có nhân tố này hay nhân tố khác chứ không phải là kinh tế nổi bật lên hàng đầu, đóng vai trò chi phối. Ph.Ăngghen viết: “Sự phát triển của chính trị, pháp luật, tôn giáo, văn học, nghệ thuật,... đều dựa trên cơ sở sự phát triển kinh tế. Nhưng tất cả cũng có ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng đến cơ sở kinh tế” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 39, tr. 271).

Lịch sử đã chứng minh rằng, trong những hoàn cảnh cụ thể có thể xuất hiện nhân tố này hay nhân tố khác, không phải là kinh tế phát triển vượt trội, phá vỡ

tính cân bằng của hệ thống, thúc đẩy các yếu tố khác phát triển, thiết lập trạng thái cân bằng mới, cao hơn. Chẳng hạn, ở thời Phục hưng (thế kỉ XV - XVI), thế giới quan duy vật thể hiện thông qua “thuyết nhật tâm” của N. Copernic đóng vai trò là động lực cho sự phát triển như vũ bão của khoa học và thực tiễn xã hội; còn trong thời đại ngày nay, các nhân tố văn hóa, đạo đức, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, dân chủ hóa xã hội,... đóng vai trò là động lực to lớn đối với sự phát triển của các quốc gia, của xã hội nói chung.

Điều đó đòi hỏi trong nhận thức và thực tiễn cần phải tính đến sự phát triển đồng bộ, cân đối, tác động qua lại giữa các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, để từ đó đưa ra các giải pháp, biện pháp phù hợp, không nên tuyệt đối hóa bất kì lĩnh vực nào, cho dù đó là lĩnh vực kinh tế. Song, tùy vào từng điều kiện lịch sử - cụ thể mà xác định lĩnh vực nào, nhân tố nào là trọng tâm, trọng điểm nổi bật lên hàng đầu, đóng vai trò chi phối, từ đó đề ra các giải pháp, biện pháp cụ thể, phù hợp để tác động, tức là cần phải tính đến các quy luật và các cơ chế hoạt động của các lĩnh vực đó.

Đặc điểm chung của các quá trình xã hội là chúng vận động, tác động, chi phối đời sống xã hội tuân theo các quy luật khách quan, diễn ra dưới sự tác động của những điều kiện bên trong và bên ngoài, của những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, trong đó có sự thống nhất giữa khách quan và chủ quan, giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Các quá trình xã hội đều diễn ra theo một trật tự nhất định và được đặc trưng bởi độ dài và xu hướng phát triển nhất định, trong những điều kiện không gian - thời gian nhất định. Do vậy, các quá trình xã hội cũng mang tính lịch sử - cụ thể và biểu hiện hết sức đa dạng, phức tạp trong từng giai đoạn phát triển nhất định.

Nhưng cho dù các quá trình xã hội có biểu hiện đa dạng và phức tạp đến đâu thì cũng phải thông qua hoạt động của con người, của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Trên cơ sở nhận thức và vận dụng các quy luật khách quan, con người bằng năng lực, trình độ của mình tiến hành tổ chức, điều khiển, đề ra các giải pháp, biện pháp, vạch ra mục tiêu, phương hướng phát triển của các quá trình xã hội cho phù hợp với nhu cầu, mục đích của con người và xu hướng phát triển tất yếu của tiến bộ xã hội.

Thứ tư, về tư tưởng

Yếu tố cơ bản thứ tư của hệ thống xã hội là các tư tưởng. Tư tưởng là sự phản ánh hiện thực bởi bộ não con người. Theo C.Mác, “ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong đầu óc của con người và được cải biến đi ở trong đó” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1993, tập 23, tr. 35). Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đứng trên lập trường duy vật lịch sử để giải thích một cách đúng đắn về vấn đề tư tưởng của con người, về ý thức xã hội, cũng như mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, “ngay từ đầu, ý thức đã là một sản phẩm xã hội, và vẫn như vậy chừng nào con người còn tồn tại” (C.Mác và Ph.Ăngghen,

1995, tập 3, tr. 43). Các ông đã chỉ ra chính con người đã sản xuất ra những tư tưởng, quan niệm, ý niệm, đó là những con người hiện thực, đang hành động và bị quy định bởi sự phát triển nhất định của những lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp phù hợp với nó. “Ý thức (das Bewußtsein) không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức (das bewußt Sein), và tồn tại của con người là quá trình đời sống hiện thực của con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 3, tr. 37).

C.Mác và Ph.Ăngghen còn chỉ rõ: “Ngay cả những ảo tưởng hình thành trong đầu óc con người cũng là những vật thẳng hoa tất yếu của quá trình đời sống vật chất của họ, một quá trình có thể xác định được bằng kinh nghiệm và gắn liền với những tiền đề vật chất” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 3, tr. 38) và do đó, những hình thái ý thức xã hội sẽ mất ngay cái vẻ độc lập bề ngoài của nó, bởi vì con người sản sinh ra ý thức, biến đổi ý thức trong quá trình hoạt động vật chất và biến đổi đời sống vật chất. Do đó: “Không phải ý thức quyết định đời sống mà chính đời sống quyết định ý thức” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 3, tr. 38).

Nguồn gốc sâu xa của sự hình thành tư tưởng là thực tiễn, do nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống. Cùng với sự phát triển của xã hội, tư tưởng của con người ngày càng trở nên đa dạng, phức tạp và không ngừng phát triển, do đó, nó ngày càng đóng vai trò quan trọng đến tiến trình phát triển của con người và xã hội. Sự hình thành và phát triển của tư tưởng là sản phẩm và gắn liền với hoạt động thực tiễn của con người, nhằm đáp ứng nhu cầu tất yếu của con người trong cuộc sống. Khi đề cập đến sự hình thành các tư tưởng Toán học và các khoa học khác, Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh trong tác phẩm bút chiến *Chống Duyrinh* của mình: “Cũng như tất cả các khoa học khác, Toán học sinh ra từ *những nhu cầu thực tiễn* của con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 20, tr. 59).

Như vậy, có thể khái quát, tư tưởng là toàn bộ những quan niệm, quan điểm, tri thức của con người về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới ấy, về chính bản thân và cuộc sống của con người và loài người.

Đó là các tư tưởng về chính trị, pháp luật, tôn giáo, đạo đức, văn hóa, nghệ thuật, khoa học,... Có tư tưởng khoa học và tư tưởng phản khoa học. Tư tưởng khoa học là các quan niệm, quan điểm, tri thức phản ánh một cách đúng đắn bản chất và các quy luật của hiện thực và khách quan. Còn các tư tưởng phản khoa học thì ngược lại, là các quan niệm, quan điểm, tri thức phản ánh một cách sai lệch bản chất các quy luật của hiện thực khách quan.

Tư tưởng là nhân tố định hướng cho quá trình hoạt động sống của con người. Tư tưởng soi đường, chỉ lối để con người xác định mục tiêu, vạch ra phương hướng, mục đích, ý nghĩa cuộc sống và lựa chọn cách thức nhằm đạt được mục đích đó. Chiều sâu tư tưởng là sự thể hiện trình độ trí tuệ của con người, là tiêu chí quan trọng về sự trưởng thành của mỗi cá nhân và cộng đồng nhất định. Về vai trò,

sức mạnh của tư tưởng, ý thức, tinh thần, về lí luận tiên tiến để trở thành động lực cải tạo lịch sử xã hội, ngay trong tác phẩm *Phê phán triết học pháp quyền của Hêghen. Lời nói đầu*, C.Mác đã viết: “Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lí luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 1, tr. 580).

Rõ ràng rằng, tư tưởng có vai trò to lớn trong đời sống của mỗi cá nhân và cộng đồng xã hội. Nhưng bản thân các tư tưởng ấy không tồn tại một cách thuần túy tự nó, mà cũng phải thông qua con người, trong con người, trong ý thức của họ. Chính con người làm chủ các tư tưởng trong hoạt động của mình, trong mối quan hệ với các vật thể, với các quá trình xã hội và giữa con người với nhau. Đằng sau các tư tưởng xã hội luôn luôn tồn tại những lợi ích nhất định, những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người, gắn liền với vị trí, vai trò của con người, của các giai cấp, tầng lớp nhất định trong xã hội. Rút cuộc, tất cả những vấn đề tư tưởng, về thế giới quan nhằm xác định vị trí, vai trò của con người trong thế giới, về ý nghĩa cuộc sống con người đều liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động của con người.

2. Môi trường của hệ thống xã hội

Ngoài các yếu tố cơ bản trên, mỗi hệ thống xã hội không tồn tại độc lập, mà tồn tại trong mối quan hệ khăng khít với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

C.Mác coi môi trường tự nhiên là “thân thể vô cơ” của con người, hay Ph.Ăngghen khẳng định: “Tuy vậy, chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác động hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác động thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 20, tr. 654).

Chính vì vậy, con người phải tìm cách sống hài hòa, hòa nhập với chỉnh thể tự nhiên, phải điều khiển có ý thức mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Bởi vì, “chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 20, tr. 655).

Ngày nay, môi trường tự nhiên thường được gọi là môi trường sinh thái. Vấn đề môi trường sinh thái là một trong những vấn đề toàn cầu cấp bách và khó giải quyết trong thời đại ngày nay. Giải quyết vấn đề này thực chất là một yêu cầu có

cơ sở lí luận từ bản thân cơ chế hoạt động của hệ thống (phức hợp hệ thống) “xã hội - tự nhiên”, nhằm đảm bảo tính cân bằng, tính tự tổ chức, tự điều khiển, tự bảo vệ của sinh quyển, bảo đảm tính thống nhất giữa xã hội và tự nhiên. Bởi vậy, trong nhận thức và thực tiễn, con người cần phải thực hiện nguyên tắc đồng tiến hóa giữa xã hội và tự nhiên, coi việc quay trở về sống hài hòa với tự nhiên sẽ mang lại một hệ thống các giá trị, nhất là các giá trị tinh thần cho đời sống con người và xã hội loài người.

Cụ thể là, con người phải nâng cao trình độ nhận thức trong việc giải quyết mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên; cần phải thay đổi phương thức hoạt động thực tiễn không chỉ vì lợi ích kinh tế, vật chất mà còn vì lợi ích văn hóa, tinh thần, không chỉ vì ngày hôm nay mà còn vì các thế hệ mai sau; cần phải nắm vững các quy luật của tự nhiên và vận dụng các quy luật đó một cách phù hợp vào trong hoạt động thực tiễn, trước hết là vào quá trình sản xuất xã hội. Điều đó gắn liền với con người và chỉ có thể thực hiện được thông qua hoạt động có ý thức, có trách nhiệm của con người; thông qua sự liên hệ, tác động qua lại giữa các hệ thống xã hội.

Bất kì một hệ thống xã hội nào cũng đều có môi trường xã hội của mình, tức là các hệ thống xã hội khác với tư cách là môi trường. Đó là các hệ thống nằm trong các mối quan hệ về kinh tế - xã hội, chính trị - xã hội, văn hóa, tinh thần của đời sống xã hội,... Bởi vậy, việc nghiên cứu những tác động qua lại của hệ thống xã hội này với các hệ thống xã hội khác với tính cách là môi trường của nó cũng có một ý nghĩa to lớn. Kết quả là, con người mới có thể xác định một cách đúng đắn vị trí, vai trò, chức năng và ý nghĩa của hệ thống nhằm phát triển xã hội một cách toàn diện, cân đối và đồng bộ.

Như vậy, bất kì một hệ thống xã hội nào cũng đều bao gồm bốn yếu tố cơ bản, đó là con người, các vật thể, các quá trình xã hội và các tư tưởng; chúng tồn tại, vận động, phát triển gắn liền với một môi trường nhất định. Chính sự liên hệ, tác động qua lại giữa các yếu tố trên đây tạo thành cấu trúc của xã hội, trong đó con người thể hiện là một chỉnh thể, một yếu tố tổng hợp trong cấu trúc của hệ thống xã hội.

3. Cấu trúc của hệ thống xã hội

Cấu trúc của xã hội với tính cách là một hệ thống, đó là một tổ chức nội tại của hệ thống hoặc các phân hệ của hệ thống đó. Cấu trúc của xã hội là tổng thể các mối liên hệ, quan hệ giữa các yếu tố tạo thành hệ thống xã hội. Xã hội nói chung và từng phân hệ của nó đều có cấu trúc, tức là đều có tổ chức nội tại đặc trưng cho mình, tạo thành các bậc thang, các cấp độ của hệ thống xã hội, là cấu trúc đa hệ trong hệ thống xã hội rộng lớn.

Một khi yếu tố cơ bản và quan trọng nhất của bất kì một hệ thống xã hội nào cũng là con người thì chính *mối quan hệ giữa người với người*, tạo thành các

quan hệ xã hội, trước hết là những mối quan hệ sản xuất quy định đặc trưng cho cấu trúc của hệ thống xã hội. Đó là các mối quan hệ xã hội (quan hệ vật chất và quan hệ tinh thần) hết sức đa dạng, phức tạp giữa người với người thể hiện ở các cấp độ khác nhau (cá nhân, tập thể, giai cấp, dân tộc, nhân loại). Chính các mối quan hệ xã hội đó tạo thành các quy luật khách quan chi phối sự vận động, phát triển của xã hội (quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật về sự thống nhất biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, quy luật về đấu tranh giai cấp, về cách mạng xã hội, về tiền bộ xã hội,...). Tính đa dạng của mối quan hệ giữa con người với con người quy định nên tính đa dạng của hệ thống xã hội.

Con người hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, như lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực chính trị - xã hội, lĩnh vực đời sống tinh thần, lĩnh vực đời sống sinh hoạt gia đình. Từ đó sẽ tạo nên cấu trúc đặc trưng cho từng lĩnh vực cụ thể của chỉnh thể xã hội, đó là cấu trúc kinh tế, cấu trúc chính trị - xã hội, cấu trúc đời sống tinh thần và cấu trúc đời sống sinh hoạt gia đình. Trong đó, mỗi cấu trúc có những đặc điểm đặc trưng riêng và mang trong mình những dấu ấn về chất của đời sống xã hội và được quy định bởi các quan hệ về sở hữu, về tổ chức, quản lý và về phân phối sản phẩm trong hệ thống sản xuất xã hội, cũng như các quan hệ về tinh thần mà con người đóng vai trò là chủ thể của nhận thức và hành động.

Cấu trúc của hệ thống xã hội biểu hiện không chỉ là mối quan hệ giữa người với người, mà còn là mối quan hệ giữa các quá trình xã hội thể hiện trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Đó là mối quan hệ kinh tế với chính trị - xã hội, mối quan hệ kinh tế với đời sống tinh thần và các mối quan hệ giữa các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, trong đó mỗi quan hệ về lợi ích kinh tế của con người và cộng đồng người, xét đến cùng, đóng vai trò chi phối sự vận động, phát triển của hệ thống xã hội.

Cấu trúc của hệ thống xã hội còn là mối quan hệ giữa các vật thể (sản phẩm) với nhau. Tuy nhiên, trong đời sống xã hội, bản thân các vật thể, sản phẩm ấy phải mang bản tính xã hội và bị chi phối bởi các mối quan hệ xã hội. Chẳng hạn, trong các công ty, xí nghiệp, trật tự sắp xếp của máy móc, cơ chế vận hành của chúng, cũng như các quá trình công nghệ diễn ra có mối liên hệ hết sức chặt chẽ, phức tạp trong các dây chuyền sản xuất của con người.

Cấu trúc của hệ thống xã hội còn được thể hiện là *mối quan hệ giữa con người với các vật thể* (sản phẩm), được thể hiện trong các quá trình sản xuất, trao đổi và tiêu dùng, trong đó mỗi quan hệ của con người về sở hữu đối với các tư liệu sản xuất quy định một cách trực tiếp địa vị của con người và các tập đoàn người trong xã hội; ngoài ra, các quan hệ về tổ chức, quản lý và về phân phối sản phẩm cũng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với tiến trình phát triển của con người và xã hội.

Cấu trúc của hệ thống xã hội còn được thể hiện là *mối quan hệ giữa con người với các tư tưởng*. Đó là sản phẩm của quá trình phát minh, sáng chế, soạn thảo, tuyên truyền tư tưởng bởi các tầng lớp, nhóm xã hội. Nó phản ánh mức độ và tính chất phong phú của đời sống tinh thần của con người trong hệ thống xã hội.

Cấu trúc của hệ thống xã hội còn là *mối quan hệ giữa các tư tưởng với nhau* ở các thể loại khác nhau. Chẳng hạn, các hình thái ý thức xã hội như khoa học, chính trị, pháp luật, văn học, nghệ thuật, văn hóa, đạo đức, tôn giáo,... với tính cách là hệ thống các tư tưởng đều nằm trong mối liên hệ, quan hệ nhất định. Nó phản ánh bức tranh đa dạng, phức tạp về lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội.

Cấu trúc của hệ thống xã hội còn là *mối quan hệ giữa con người với các quá trình xã hội*, đó là mối quan hệ của con người với các quá trình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... trong một chỉnh thể thống nhất. Những mối quan hệ ấy thể hiện tính tích cực, sáng tạo của nhân tố con người trong các quá trình xã hội.

Đồng thời, cấu trúc của hệ thống xã hội còn là *mối quan hệ giữa các quá trình xã hội khác nhau trong đời sống xã hội*, như các quá trình cách mạng và cải cách, quá trình kinh tế và chính trị - xã hội,... Nó thể hiện tính chất toàn vẹn, thống nhất, cân đối, hài hòa, đồng bộ của chỉnh thể xã hội, trong đó mỗi quá trình là một phân hệ không thể tách rời của hệ thống xã hội.

Có thể thấy, cấu trúc của hệ thống xã hội hết sức đa dạng, thể hiện trong các mối quan hệ khác nhau, nhưng rút cuộc nó đều được biểu hiện thông qua hoạt động của con người. Những quan hệ ấy không phải lúc nào con người cũng nhận biết được, song phải thông qua hoạt động của con người. Không phải ngẫu nhiên, V.I.Lênin cho rằng: “nhà xã hội học duy vật chủ nghĩa lấy những mối quan hệ xã hội nhất định giữa con người với nhau làm đối tượng nghiên cứu của mình, do đó cũng nghiên cứu cả những *cá nhân* có thực, vì những mối quan hệ đó là do những hoạt động của họ tạo nên” (V.I.Lênin, 1979, tập 1, tr. 531).

Trong hệ thống xã hội, con người thực hiện những chức năng nhất định, bởi vì chức năng là bản chất của hoạt động, nó phản ánh tính tích cực của con người. Và cũng vì thế, chỉ thông qua hệ thống xã hội thì con người mới có được bản chất xã hội của mình. C.Mác từng khẳng định: “Lịch sử *chẳng qua chỉ* là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, tập 2, tr. 141).

Trong đời sống của mình, con người tác động qua lại với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, thông qua đó con người thể hiện năng lực bản chất của mình. Con người vừa là chủ thể, vừa là khách thể của nhận thức và quản lý xã hội, cũng như mọi hoạt động nói chung. Con người là nguồn lực to lớn, là yếu tố quyết định sự phát triển của hệ thống xã hội. Chính vì lẽ đó, một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm đã được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr. 219).

Kết luận

Con người là yếu tố cơ bản, trọng tâm và quan trọng nhất của hệ thống xã hội. Trong đời sống của mình, con người thâm nhập vào các vật thể, quá trình, tư tưởng của đời sống xã hội, cũng như môi trường tồn tại và hoạt động của hệ thống xã hội, làm cho các yếu tố khác của hệ thống mang trong mình bản chất con người. Không có một vật thể nào, một quá trình nào, một tư tưởng nào lại có thể tự nó tồn tại. Là các yếu tố của hệ thống xã hội, chúng tồn tại không thể tách rời con người và được lôi cuốn vào trong quỹ đạo của các mối quan hệ xã hội. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng có thể phân biệt được rạch ròi ranh giới giữa các yếu tố của hệ thống xã hội, bởi vì mỗi yếu tố đều biểu hiện với tính cách là các mối quan hệ. Trên thực tế, bất kì một vật thể, một tư tưởng nào cũng đồng thời biểu hiện là một quá trình; mặt khác, bất kì một yếu tố nào của hệ thống xã hội cũng đều liên quan đến con người, là kết quả hoạt động sáng tạo của con người.

Con người chiếm vị trí trung tâm trong cấu trúc của hệ thống xã hội - trong tổ chức nội tại của hệ thống. Nó trở thành tiêu điểm, là yếu tố trọng tâm, tổng hợp của hệ thống xã hội. Con người không phải đơn giản chỉ là một yếu tố, mà còn tiêu biểu cho đặc trưng về chất của hệ thống xã hội, bởi vì đặc trưng của hệ thống xã hội bao giờ cũng biểu hiện thông qua hoạt động của con người, trong tính tích cực, sáng tạo của nhân tố con người. Hay nói cách khác, con người là một chỉnh thể toàn vẹn, một yếu tố tổng hợp của hệ thống xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1993. *Toàn tập*, tập 23. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
2. C. Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*, tập 1, 2, 3, 20, 39. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1996. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng. Hà Nội.
5. Hêghen, G. V. Ph. 1959. *Các tác phẩm*, tập 4. Nxb. Tư tưởng. Matxcova.
6. V.I.Lênin. 1979. *Toàn tập*, tập 1. Nxb. Tiên bộ. Matxcova
7. V.I.Lênin. 1981. *Toàn tập*, tập 29. Nxb. Tiên bộ. Matxcova.